

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Mè Thị H**, sinh năm 1991;

Nơi thường trú: **Khu D, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.**

Bị đơn: Anh **Đỗ Văn Q**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: **Khu D, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị **Mè Thị H** và anh **Đỗ Văn Q**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** và anh **Q** đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu **Đỗ Việt H1**, sinh ngày 20/9/2012. Khi ly hôn chị **H** và anh **Q** thống nhất thỏa thuận: Anh **Q** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **H1** kể từ khi ly hôn đến khi cháu **Hoàng thành n**, có thể lao động tự túc được. Chị **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **Q**.

Anh **Q** trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con là chị **H** trong việc thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị **H** và anh **Q** xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **H** tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị **H** đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001313 ngày 18/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú

Thọ. **H2** lại cho chi **H** số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Phú Mỹ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Trần Anh Quang**